ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42 /KH-UBND	*Yên Bái, ngày 14 tháng 02 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2023

Thực hiện Chương trình hành động số 135-CTr/TU, ngày 18/11/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 25/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Kế hoạch công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng mới và tiếp tục nâng cao chất lượng hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

- Xác định nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để các ngành, các địa phương và các đơn vị trường học cùng triển khai thực hiện, góp phần hoàn thành Chương trình hành động số 135-CTr/TU, ngày 18/11/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Yêu cầu

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là nhiệm vụ của các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị; do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, tham mưu và tổ chức chỉ đạo, triển khai.

- Tất cả các nhà trường phải xây dựng kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; xác định đúng thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu để có kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

a) Công nhận mới 29 trường mầm non, phổ thông (gồm: 10 trường mầm non, 08 trường tiểu học, 01 trường tiểu học và trung học cơ sở, 07 trường trung học cơ sở,

03 trường trung học phổ thông) và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện đạt chuẩn quốc gia. Trong đó:

- 10 trường mầm non, phổ thông thực hiện đúng lộ trình theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Điều chỉnh lộ trình đối với 09 trường mầm non, phổ thông trong Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (gồm: Tiếp tục thực hiện 01 trường trong lộ trình năm 2022; đẩy sớm tiến độ 08 trường từ năm 2024 sang năm 2023 nhằm mục tiêu xây dựng nông thôn mới).

- Bổ sung Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Trấn Yên và 10 trường mầm non, phổ thông vào lộ trình năm 2023 nhằm thực hiện Chương trình hành động số 135-CTr/TU ngày 18/11/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái, Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 25/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và Đề án xây dựng nông thôn mới của các huyện; trong đó, phấn đấu xây dựng 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

(Phụ lục 01 kèm theo)

b) Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia tại 315 trường mầm non, phổ thông; kiểm tra, công nhận lại 92 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia (gồm: 27 trường mầm non, 17 trường tiểu học, 36 trường tiểu học và trung học cơ sở, 10 trường trung học cơ sở và 02 trường trung học phổ thông); trong đó, phấn đấu xây dựng 45 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

(Phụ lục 02 kèm theo)

c) Nâng cao chất lượng tại 99 trường mầm non, phổ thông chưa đạt chuẩn quốc gia; trong đó, phấn đấu 03 trường đạt 5 tiêu chuẩn, 55 trường đạt 4 tiêu chuẩn, 30 trường đạt 3 tiêu chuẩn, 11 trường đạt 2 tiêu chuẩn.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Công tác tham mưu, chỉ đạo

- Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai, thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đưa mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; giao trách nhiệm hoàn thành các tiêu chuẩn xây dựng trường chuẩn quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các đơn vị.

- Tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể, hiệu quả trong công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; gắn công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia với các đề án phát triển giáo dục và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

b) Công tác triển khai, thực hiện các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục huy động các nguồn vốn; chỉ đạo công tác giải ngân, xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất các trường trong lộ trình;

có các giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia.

- Với các trường hết thời hạn công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trong năm 2023: Khẩn trương rà soát theo từng tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia để điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng; có giải pháp đảm bảo các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia; hoàn thiện hồ sơ, đề nghị công nhận lại theo quy định. Những trường phấn đấu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 cần tạo sự vượt trội về chất lượng giáo dục; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

c) Công tác kiểm định chất lượng giáo dục

- Triển khai phầm mềm kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên hệ thống phần mềm giáo dục thông minh của Đề án đô thị thông minh tỉnh Yên Bái tới 100% trường mầm non, phổ thông.

- Thực hiện tự đánh giá theo đúng quy định: Đảm bảo đánh giá đầy đủ, trung thực, đúng quy trình; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phải phù hợp mục tiêu, tầm nhìn, chiến lược phát triển của nhà trường, phải có sự phân công trách nhiệm cụ thể và thời gian hoàn thành công việc.

- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai các hoạt động sau khi tự đánh giá và đánh giá ngoài: Công khai kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài và kế hoạch cải tiến chất lượng; triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch cải tiến chất lượng; định kì rà soát, điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng. Phấn đấu thực hiện từng bước theo các tiêu chuẩn làm cơ sở cho công tác phát triển, nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia.

d) Công tác kiểm tra giám sát

Tăng cường kiểm tra chất lượng, hiệu quả việc đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; công tác kiểm tra, đánh giá các đơn vị phải bám sát 5 tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia.

đ) Công tác tuyên truyền

Tăng cường tuyên truyền, giới thiệu các điểm sáng, các mô hình trường, cá nhân điển hình trong công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố tham mưu với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; rà soát, điều chỉnh kế hoạch thực hiện các tiêu chuẩn về tổ chức quản lý, đội ngũ; quy hoạch tổng mặt bằng; bố trí lồng ghép các nguồn vốn để tập trung nguồn lực đầu tư các hạng mục công trình cơ bản.

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai phần mềm kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên hệ thống phần mềm giáo dục thông minh; triển khai phần mềm tới 100% các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát, xác định và đăng ký các chỉ báo, tiêu chí nâng cao chất lượng trong năm 2023 và các năm tiếp theo; chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng để nâng cao từng chỉ báo, tiêu chí như đã đăng ký.

- Tiếp tục chỉ đạo toàn ngành thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, gắn với việc triển khai thực hiện hiệu quả các đề án phát triển giáo dục.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tiến độ của công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh; giới thiệu các điểm sáng, các mô hình, cá nhân điển hình trong công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Các sở, ngành có liên quan

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí và lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch.

- Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch biên chế đảm bảo đủ số lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn và thẩm định việc thiết kế xây dựng trường học theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, đảm bảo nhu cầu sử dụng, không gây lãng phí.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố lập quy hoạch sử dụng đất, trong đó có xét đến nhu cầu mở rộng các điểm trường đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia; thẩm định nhu cầu sử dụng đất do Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đăng ký; trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong xây dựng chương trình nông thôn mới, gắn với việc thực hiện các tiêu chí về giáo dục và đào tạo.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai nhiệm vụ xây dựng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương, các cơ sở giáo dục lập kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát, xác định và đăng ký các chỉ báo, tiêu chí nâng cao chất lượng trong năm 2023 và các năm tiếp theo của 100% các trường trên địa bàn; chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng để nâng cao từng chỉ báo, tiêu chí như đã đăng ký.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch điều chỉnh đội ngũ giáo viên trên địa bàn; bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cho các trường trong kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu.

- Chủ trì trong việc mở rộng quỹ đất cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn; huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng các hạng mục, công trình.

- Kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia (có đối chiếu với chỉ tiêu đăng ký đầu năm); kiểm tra hoạt động cập nhật, quản trị phần mềm kiểm định chất lượng trên địa bàn; kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trước khi trình Sở Giáo dục và Đào tạo để đảm bảo tiến độ kế hoạch.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo, tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên của mình tích cực thực hiện xã hội hoá giáo dục hướng vào mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia; tham gia giám sát quá trình thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở địa phương.

5. Các cơ quan truyền thông (Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Điều hành thông minh)

Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo, tuyên truyền về mục đích, nội dung, tiêu chuẩn và kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia; nêu gương người tốt việc tốt, các đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia.

6. Các cơ sở giáo dục

- Tăng cường chất lượng công tác tự đánh giá: Khai thác phần mềm kiểm định chất lượng; tự đánh giá đúng quy trình, đầy đủ, trung thực; rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp mục tiêu, tầm nhìn, chiến lược phát triển, có sự phân công trách nhiệm, thời gian hoàn thành công việc; triển khai có hiệu quả kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Các trường trong lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia: Tích cực triển khai, thực hiện phương án cải tiến chất lượng; hàng tháng, báo cáo cơ quan chủ quản tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Các trường trong kế hoạch năm 2023 hoàn thành hồ sơ tự đánh giá để đăng ký đánh giá ngoài theo quy định.

- Các trường đã đạt chuẩn quốc gia: Tập trung thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng, thường xuyên bổ sung các giải pháp mới; chủ động tìm những giải pháp huy động mọi nguồn lực, đặc biệt nguồn lực xã hội hóa để tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của trường đạt chuẩn quốc gia.

- Các trường còn lại: Rà soát từng chỉ báo, tiêu chí, tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia để lựa chọn các tiêu chuẩn có thể tự khắc phục, cải tiến chất lượng phù hợp với tình hình địa phương và đơn vị. Tập trung vào các giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục và công tác xã hội hóa.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2023 được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo các Đề án phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn xã hội hóa hợp pháp khác.

Trên đây là Kế hoạch công tác kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia năm 2023. Đề nghị các sở, ban, ngành và các địa phương tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đạt kết quả./.

Nơi nhận:
- TT. Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài PTTH tỉnh, Trung tâm điều hành thông minh;
- Lưu: VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Hiền Hạnh

Phụ lục 01:

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-UBND ngày 14/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT		Tên trường	Xã, thị trấn, phường	Tổng số	Chuẩn mức độ 2	Theo Kế hoạch số 69		Bổ sung		Thời điểm đăng ký đánh giá ngoài
						Đúng tiến độ	Điều chỉnh lộ trình	Theo CTHĐ 135	Theo KH 163 và Đề án NTM các huyện	
Toàn tỉnh				**30**	**1**	**10**	**9**	**2**	**9**	
III. Huyện Văn Chấn				**9**	**1**	**1**	**2**	**2**	**4**	
1	1	MN Nậm Búng	Xã Nậm Búng						1	10/2023
2	2	MN Suối Giàng	Xã Suối Giàng						1	10/2023
3	3	MN Trần Phú	TT NT Trần Phú		1				1	03/2023
4	4	PTDTBT TH Nậm Lành	Xã Nậm Lành					1		03/2023
5	5	PTDTBT TH An Lương	Xã An Lương				1			10/2023
6	6	PTDTBT TH Cát Thịnh	Xã Cát Thịnh				1			10/2023
7	7	PTDTBT TH Nậm Búng	Xã Nậm Búng						1	03/2023
8	8	THCS Nậm Lành	Xã Nậm Lành					1		03/2023
9	9	THPT Văn Chấn	Xã Cát Thịnh			1				08/2023
IV. Huyện Trấn Yên				**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	
10	1	Trung tâm GDNN-GDTX Trấn Yên	Thị trấn Cổ Phúc						1	05/2023
V. Huyện Văn Yên				**12**	**0**	**8**	**4**	**0**	**0**	
11	1	MN Châu Quế Hạ	Xã Châu Quế Hạ			1				05/2023
12	2	MN Nà Hẩu	Xã Nà Hẩu			1				09/2023
13	3	MN Mỏ Vàng	Xã Mỏ Vàng			1				09/2023

STT		Tên trường	Xã, thị trấn, phường	Tổng số	Chuẩn mức độ 2	Theo Kế hoạch số 69		Bổ sung		Thời điểm đăng ký đánh giá ngoài
						Đúng tiến độ	Điều chỉnh lộ trình	Theo CTHĐ 135	Theo KH 163 và Đề án NTM các huyện	
14	4	PTDTBT TH Châu Quế Hạ	Xã Châu Quế Hạ			1				05/2023
15	5	PTDTBT TH Mỏ Vàng	Xã Mỏ Vàng			1				09/2023
16	6	PTDTBT TH Lang Thíp	Xã Lang Thíp				1			05/2023
17	7	PTDTBT TH Phong Dụ Thượng	Xã Phong Dụ Thượng				1			11/2023
18	8	TH&THCS Nà Hẩu	Xã Nà Hẩu			1				09/2023
19	9	PTDTBT THCS Mỏ Vàng	Xã Mỏ Vàng			1				09/2023
20	10	PTDTBT THCS Lang Thíp	Xã Lang Thíp				1			05/2023
21	11	PTDTBT THCS Phong Dụ Thượng	Xã Phong Dụ Thượng				1			11/2023
22	12	THPT Trần Phú	Xã An Bình			1				09/2023
VI. Huyện Yên Bình				**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	
23	1	THPT Cảm Nhân	Xã Cảm Nhân				1			09/2023
VII. Huyện Lục Yên				**5**	**0**	**1**	**2**	**0**	**2**	
24	1	MN Tân Lập	Xã Tân Lập						1	05/2023
25	2	MN Tô Mậu	Xã Tô Mậu				1			11/2023
26	3	MN Trung Tâm	Xã Trung Tâm						1	05/2023
27	4	THCS Động Quan	Xã Động Quan				1			11/2023
28	5	THCS Phúc Lợi	Xã Phúc Lợi			1				11/2023
VIII. Huyện Mù Cang Chải				**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**	
29	1	MN Púng Luông	Xã Púng Luông						1	12/2023
30	2	PTDTBT THCS Khao Mang	Xã Khao Mang						1	12/2022

Phụ lục 02:

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN LẠI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT		Tên trường	Xã, thị trấn, phường	Tổng số	Chuẩn mức độ 2	Chia theo cấp học					Thời điểm đăng ký đánh giá ngoài
						MN	TH	TH& THCS	THCS	THPT	
Toàn tỉnh				**92**	**45**	**27**	**17**	**36**	**10**	**2**	
I. Thành phố Yên Bái				**6**	**5**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	
1	1	MN Ngọc Lan	Xã Tân Thịnh	1	1	1					09/2023
2	2	MN Thanh Bình	Xã Minh Bảo	1	1	1					09/2023
3	3	TH Yên Thịnh	Phường Yên Thịnh	1	1		1				08/2023
4	4	TH Nguyễn Trãi	Phường Đồng Tâm	1	1		1				08/2023
5	5	TH&THCS Văn Phú	Xã Văn Phú	1	1			1			09/2023
6	6	TH&THCS Giới Phiên	Xã Giới Phiên	1				1			09/2023
II. Thị xã Nghĩa Lộ				**11**	**2**	**6**	**3**	**2**	**0**	**0**	
7	1	MN Thanh Lương	Xã Thanh Lương	1		1					04/2023
8	2	MN Phù Nham	Xã Phù Nham	1		1					04/2023
9	3	MN Sơn A	Xã Sơn A	1		1					04/2023
10	4	MN Nghĩa Lộ	Xã Nghĩa Lộ	1		1					04/2023
11	5	MN Hoa Mai	Xã Nghĩa Phúc	1		1					04/2023
12	6	MN Hoa Sữa	Xã Nghĩa An	1		1					04/2023
13	7	TH Kim Đồng	Phường Trung Tâm	1			1				03/2023
14	8	TH Phù Nham	Xã Phù Nham	1			1				03/2023
15	9	TH Phúc Sơn	Xã Phúc Sơn	1			1				03/2021
16	10	TH&THCS Nguyễn Quang Bích	Phường Tân An	1	1			1			03/2023

STT		Tên trường	Xã, thị trấn, phường	Tổng số	Chuẩn mức độ 2	Chia theo cấp học					Thời điểm đăng ký đánh giá ngoài
						MN	TH	TH& THCS	THCS	THPT	
17	11	TH&THCS Võ Thị Sáu	Phường Cầu Thia	1	1			1			03/2023
III. Huyện Văn Chấn				**9**	**2**	**0**	**3**	**2**	**4**	**0**	
18	1	TH&THCS Hoàng Văn Thọ	Xã Đại Lịch	1	1			1			08/2023
19	2	TH&THCS Tân Thịnh	Xã Tân Thịnh	1	1			1			08/2023
20	3	TH Chấn Thịnh	Xã Chấn Thịnh	1			1				03/2023
21	4	TH Sơn Thịnh	Thị trấn Sơn Thịnh	1			1				03/2023
22	5	TH Trần Phú	TTNT Trần Phú	1			1				03/2023
23	6	THCS Bình Thuận	Xã Bình Thuận	1					1		03/2023
24	7	THCS Chấn Thịnh	Xã Chấn Thịnh	1					1		03/2023
25	8	THCS Sơn Thịnh	Thị trấn Sơn Thịnh	1					1		03/2023
26	9	THCS Trần Phú	TTNT Trần Phú	1					1		03/2023
IV. Huyện Trấn Yên				**17**	**16**	**3**	**1**	**11**	**1**	**1**	
27	1	MN Bảo Hưng	Xã Bảo Hưng	1	1	1					05/2023
28	2	MN Hoa Hồng	Thị trấn Cổ Phúc	1	1	1					08/2023
29	3	MN Hưng Khánh	Xã Hưng Khánh	1	1	1					08/2023
30	4	TH Thị trấn Cổ Phúc	Thị trấn Cổ Phúc	1	1		1				05/2023
31	5	TH&THCS Hưng Thịnh	Xã Hưng Thịnh	1	1			1			05/2023
32	6	TH&THCS Nga Quán	Xã Nga Quán	1	1			1			05/2023
33	7	TH&THCS Quy Mông	Xã Quy Mông	1	1			1			09/2023
34	8	TH&THCS Tân Đồng	Xã Tân Đồng	1	1			1			09/2023
35	9	TH&THCS Cường Thịnh	Xã Cườngg Thịnh	1	1			1			09/2023
36	10	TH&THCS số 2 Lương Thịnh	Xã Lương Thịnh	1	1			1			09/2023

STT		Tên trường	Xã, thị trấn, phường	Tổng số	Chuẩn mức độ 2	Chia theo cấp học					Thời điểm đăng ký đánh giá ngoài
						MN	TH	TH& THCS	THCS	THPT	
37	11	TH&THCS Việt Cường	Xã Việt Cường	1	1			1			05/2023
38	12	TH&THCS số 2 Y Can	Xã Y Can	1	1			1			08/2023
39	13	TH&THCS Minh Quán	Xã Minh Quán	1	1			1			08/2023
40	14	TH&THCS Hòa Cuông	Xã Hòa Cuông	1	1			1			08/2023
41	15	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Xã Lương Thịnh	1				1			05/2023
42	16	THCS Thị trấn Cổ Phúc	Thị trấn Cổ Phúc	1	1				1		05/2023
43	17	THPT Lê Quý Đôn	Thị trấn Cổ Phúc	1	1					1	11/2023
V. Huyện Văn Yên				**10**	**7**	**3**	**2**	**3**	**2**	**0**	
44	1	MN Xuân Ái	Xã Xuân Ái	1	1	1					05/2023
45	2	MN Yên Phú	Xã Yên Phú	1	1	1					11/2023
46	3	MN Tân Hợp	Xã Tân Hợp	1	1	1					05/2023
47	4	TH thị trấn Mậu A	Thị trấn Mậu A	1	1		1				04/2023
48	5	TH Lâm Giang	Xã Lâm Giang	1			1				04/2023
49	6	TH&THCS Yên Phú	Xã Yên Phú	1				1			11/2023
50	7	TH&THCS Đại Phác	Xã Đại Phác	1	1			1			04/2023
51	8	TH&THCS An Bình	Xã An Bình	1				1			09/2023
52	9	THCS thị trấn Mậu A	Thị trấn Mậu A	1	1				1		04/2023
53	10	PTDTNT THCS huyện Văn Yên	Thị trấn Mậu A	1	1				1		04/2023
VI. Huyện Yên Bình				**20**	**8**	**6**	**3**	**9**	**1**	**1**	
54	2	MN xã Đại Minh	Xã Đại Minh	1	1	1					09/2023
55	3	MN xã Bạch Hà	Xã Bạch Hà	1	1	1					09/2023
56	4	MN xã Hán Đà	Xã Hán Đà	1	1	1					11/2023

STT		Tên trường	Xã, thị trấn, phường	Tổng số	Chuẩn mức độ 2	Chia theo cấp học					Thời điểm đăng ký đánh giá ngoài
						MN	TH	TH& THCS	THCS	THPT	
57	5	MN xã Cảm Ân	Xã Cảm Ân	1		1					08/2023
58	6	MN xã Vĩnh Kiên	Xã Vĩnh Kiên	1		1					04/2023
59	7	MN xã Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	1		1					04/2023
60	8	TH xã Bảo Ái	Xã Bảo Ái	1			1				11/2023
61	9	TH Kim Đồng	Thị trấn Yên Bình	1	1		1				08/2023
62	10	TH Nguyễn Viết Xuân	Thị trấn Yên Bình	1	1		1				08/2023
63	11	TH&THCS xã Đại Minh	Xã Đại Minh	1	1			1			09/2023
64	12	TH&THCS xã Mỹ Gia	Xã Mỹ Gia	1	1			1			11/2023
65	13	TH&THCS xã Bạch Hà	Xã Bạch Hà	1				1			09/2023
66	14	TH&THCS xã Hán Đà	Xã Hán Đà	1	1			1			11/2023
67	15	TH&THCS xã Cảm Ân	Xã Cảm Ân	1				1			08/2023
68	16	TH&THCS xã Mông Sơn	Xã Mông Sơn	1				1			08/2023
69	17	TH&THCS xã Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	1				1			04/2023
70	18	TH&THCS xã Thịnh Hưng	Xã Thịnh Hưng	1				1			04/2023
71	19	TH&THCS xã Vĩnh Kiên	Xã Vĩnh Kiên	1				1			04/2023
72	20	PTDTNT THCS huyện	Thị trấn Yên Bình	1					1		04/2023
73	21	THPT Trần Nhật Duật	Thị trấn Yên Bình	1						1	09/2023
VII. Huyện Lục Yên				**14**	**4**	**6**	**2**	**6**	**0**	**0**	
74	1	MN Phúc Lợi	Xã Phúc Lợi	1		1					11/2023
75	2	MN Hồng Ngọc	Xã Hồng Ngọc	1	1	1					05/2023
76	3	MN Khánh Hòa	Xã Khánh Hòa	1		1					11/2023
77	4	MN Sơn Ca	Xã Mai Sơn	1		1					11/2023

STT		Tên trường	Xã, thị trấn, phường	Tổng số	Chuẩn mức độ 2	Chia theo cấp học					Thời điểm đăng ký đánh giá ngoài
						MN	TH	TH& THCS	THCS	THPT	
78	5	MN Trúc Lâu	Xã Trúc Lâu	1		1					04/2023
79	6	MN Vĩnh Lạc	Xã Vĩnh Lạc	1	1	1					11/2023
80	7	TH Minh Xuân	Xã Minh Xuân	1			1				11/2023
81	8	TH Trần Phú	Thị trấn Yên Thế	1	1		1				05/2023
82	9	TH&THCS An Phú	Xã An Phú	1				1			04/2023
83	10	TH&THCS Mai Sơn	Xã Mai Sơn	1				1			11/2023
84	11	TH&THCS Tô Mậu	Xã Tô Mậu	1				1			11/2023
85	12	TH&THCS Trúc Lâu	Xã Trúc Lâu	1				1			11/2023
86	13	TH&THCS Trung Tâm	Xã Trung Tâm	1				1			11/2023
87	14	TH&THCS Liễu Đô	Xã Liễu Đô	1	1			1			04/2023
VIII. Huyện Mù Cang Chải				**4**	**1**	**0**	**1**	**1**	**2**	**0**	
88	1	PTDTBT TH Nậm Khắt	Xã Nậm Khắt	1			1				12/2023
89	2	PTDTNT THCS huyện	TT Mù Cang Chải	1	1				1		12/2023
90	3	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Xã Nậm Khắt	1					1		12/2023
91	4	PTDTBT TH&THCS Chế Cu Nha	Xã Chế Cu Nha	1				1			12/2023
VIII. Huyện Trạm Tấu				**1**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	
92	1	MN Hoa Lan	Xã Hát Lừu	1		1					05/2023